Được cung cấp bởi

HUNG VUONG INSURANCE

Được quản lý bởi

PACIFIC CROSS

Pacific Cross Việt Nam kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động đại lý bảo hiểm, cung cấp các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và hỗ trợ nhà bảo hiểm và nhà tái bảo hiểm trong các vấn đề liên quan, nhằm phát triển và quản lý sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm du lịch cho người dân sinh sống tại Việt Nam. Chúng tôi là thành viên của Tập đoàn Pacific Cross gồm các công ty hoạt động tại Hồng Kông, Philippines, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam.

PACIFIC CROSS VIỆT NAM

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 6, Tòa nhà VNPT,
Số 1487 Nguyễn Văn Linh,
Phường Tân Hưng,
Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline: (+84 28) 3821 6699

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Geleximco,
Số 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa,
Thành phố Hà Nội
Tel: (+84 24) 7308 6699

Email: inquiry@pacificcross.com.vn | **Website:** pacificcross.com.vn

Tài liệu này không phải là hợp đồng. Để biết thêm thông tin chính xác và các chi tiết về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các loại trừ của hợp đồng bảo hiểm, vui lòng tham khảo bản hợp đồng chính thức.

CARE ELITE

Dẫn lối an tâm
Chạm cuộc sống xứng tầm

Đặc quyền an tâm cho cuộc sống xứng tầm

BẢO HIỂM SỨC KHỎE

PACIFIC CROSS

CARE ELITE

Care Elite phù hợp với:

- Khách hàng mong muốn sự bảo vệ sức khỏe chủ động, không giới hạn và cao cấp

Care Elite là đỉnh cao của hành trình an tâm – nơi bảo vệ sức khỏe trở thành một đặc quyền xứng tầm với phong cách sống của bạn.

ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM

Trợ cấp tiền mặt khi nằm viện

Hỗ trợ tài chính trong trường hợp Người được Bảo hiểm được chẩn đoán bệnh ung thư

Chi trả hầu hết các bệnh hiểm nghèo như ung thư, chạy thận, ghép tạng, v.v.

Hỗ trợ giường cho người nhà khi Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi

Chi trả cho trợ giúp khẩn cấp (chi phí đi lại bổ sung, chuyển thi hài về quê hương hoặc nước cư trú, tổn thương răng do tai nạn, v.v.)

Thủ tục bồi thường nhanh chóng, tiện lợi

Dễ dàng theo dõi thông qua ứng dụng di động

30 phút — Bảo lãnh ngoại trú trong vòng 30 phút

3 ngày — Giải quyết bồi thường trong vòng 3 ngày

24/7 — Tổng đài hỗ trợ 24/7, luôn sẵn sàng đồng hành khi bạn cần

Mạng lưới hỗ trợ y tế trải rộng toàn cầu

Mạng lưới bảo lãnh viện phí toàn quốc
Xem chi tiết mạng lưới tại đây

HẠN MỨC QUYỀN LỢI

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Quyền lợi chính		
Quyền lợi Nội trú	10 tỷ đồng/năm	20 tỷ đồng/năm
Quyền lợi lựa chọn		
Quyền lợi Ngoại trú	1 tỷ đồng/năm	2 tỷ đồng/năm
Quyền lợi Thai sản	80 triệu đồng/năm	100 triệu đồng/năm
Quyền lợi Nha khoa	30 triệu đồng/năm	40 triệu đồng/năm
Quyền lợi Tai nạn cá nhân	Lựa chọn bảo hiểm từ 20 triệu đồng/năm đến 10 tỷ đồng/năm	

QUYỀN LỢI

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	**10 tỷ**	**20 tỷ**
Phạm vi bảo hiểm	**Toàn cầu (*)**	**Toàn cầu (*)**
Chi phí phòng và giường (Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)	Trả toàn bộ (**)	Trả toàn bộ (**)
Phí khám bệnh hằng ngày của Bác sĩ và Phí Bác sĩ chuyên khoa (Tối đa 30 lần/Năm hợp đồng)	6.000.000 /lần khám	7.000.000 /lần khám
Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt, Phòng chăm sóc mạch vành, Phòng theo dõi liên tục (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều trị trước khi nhập viện (Trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều trị sau khi xuất viện (Trong vòng 90 ngày sau khi xuất viện)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều dưỡng tại nhà (Trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Dịch vụ xe cấp cứu (Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Các chi phí khác trong điều trị nội trú: Các chi phí xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, phí Bác sĩ, máu, huyết tương, thuê xe lăn sử dụng trong bệnh viện, vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thiết bị y khoa được đặt/gắn bên trong cơ thể, v.v.	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Chi phí phẫu thuật nội trú: Chi phí bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí đánh giá tiền phẫu thuật và chăm sóc hậu phẫu thuật thông thường	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Điều trị ung thư: (Tối đa 5 lần[1]/Năm hợp đồng) Là chi phí xạ trị, hóa trị, liệu pháp trúng đích (ngoại trừ phương pháp Phẫu thuật) theo chỉ định của Bác sĩ, không bao gồm thuốc được cấp mang về	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Ghép tạng: (Tối đa 1 tạng/cả đời) Các chi phí cho việc ghép thận, tim, phổi, gan, tủy xương cho người nhận là Người được Bảo hiểm (tối đa 50% cho người hiến tặng và số phần trăm còn lại cho người nhận, tùy theo sự lựa chọn của Người được Bảo hiểm). Công ty không thanh toán cho các chi phí để có được tạng; Quyền lợi này là tổng cộng tối đa cho mỗi tạng trong suốt cuộc đời và Công ty sẽ không thanh toán bất kỳ quyền lợi nào khác trong hợp đồng bảo hiểm liên quan đến việc ghép tạng của Người được Bảo hiểm	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Giường cho người nhà: (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) Là giường thêm dành cho bố/mẹ hay người giám hộ hợp pháp lưu lại qua đêm trong cùng một phòng với Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi	3.000.000 /ngày	3.500.000 /ngày
Chạy thận nhân tạo định kỳ (Tối đa 30 lần/Năm hợp đồng)	400.000.000 /Năm hợp đồng	500.000.000 /Năm hợp đồng
Phẫu thuật trong ngày (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng)	80.000.000 /Năm hợp đồng	100.000.000 /Năm hợp đồng
Chi phí cấp cứu (Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)	15.000.000 /Năm hợp đồng	20.000.000 /Năm hợp đồng
Trợ cấp nằm viện (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) Lưu ý: Tổng số tiền chi trả cho quyền lợi Trợ cấp nằm viện, quyền lợi Giường cho người nhà, quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú không được vượt quá số tiền tối đa của quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú	2.000.000 /ngày	2.300.000 /ngày

[1] Với 'Một lần' trong điều trị ung thư được quy định là một đợt điều trị, tính từ ngày đầu tiên người được bảo hiểm tiếp nhận liệu pháp cho đến khi hoàn thành toàn bộ liều điều trị theo phác đồ chỉ định của bác sĩ.

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Hỗ trợ tài chính trong trường hợp Người được Bảo hiểm được chẩn đoán bệnh ung thư: Người được Bảo hiểm sẽ được chi trả quyền lợi này trong trường hợp được chẩn đoán bệnh ung thư giai đoạn cuối nhưng không bao gồm ung thư tuyến giáp. Số tiền chi trả sẽ được căn cứ vào số tiền bảo hiểm và số tháng còn lại của Năm hợp đồng. Quyền lợi này sẽ không được áp dụng trong năm tái tục tiếp theo nếu quyền lợi này đã được chi trả	15.000.000 /tháng	20.000.000 /tháng
Dịch vụ trợ giúp khẩn cấp 24 giờ và Dịch vụ sơ tán y tế khẩn cấp	Bao gồm	Bao gồm
Chi phí đi lại bổ sung: (Sau khi sơ tán khẩn cấp) Một vé máy bay hạng phổ thông để đưa Người được Bảo hiểm trở về nước cư trú	5.000.000 /Năm hợp đồng	5.000.000 /Năm hợp đồng
Chuyển thi hài về quê hương hoặc nước cư trú	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Tổn thương răng do tai nạn: Điều trị khẩn cấp trong vòng tối đa 7 ngày kể từ khi tai nạn gây ra mất mát hoặc tổn thương cho răng lành mạnh tự nhiên	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.
(**) Áp dụng mức 8.000.000/ngày (CE1) và 9.000.000/ngày (CE2) cho Người được Bảo hiểm chọn Phạm vi bảo hiểm Đông Nam Á (ngoại trừ Singapore).

QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	**1 tỷ**	**2 tỷ**
Phạm vi bảo hiểm	**Toàn cầu (*)**	**Toàn cầu (*)**
Điều trị ngoại trú (không phẫu thuật): Chi phí Bác sĩ, xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, vật tư y tế, và các chi phí có liên quan khác	50.000.000 /lần khám	60.000.000 /lần khám

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Điều trị ngoại trú (có phẫu thuật): Chi phí bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, chi phí vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thuốc được kê đơn, và các chi phí có liên quan khác	60.000.000 /lần khám	70.000.000 /lần khám
Chi phí vật lý trị liệu, trị liệu thần kinh cột sống trong điều trị ngoại trú (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)	5.000.000 /ngày	10.000.000 /ngày
Khám sức khỏe miễn phí (Tối đa 1 lần khám/Năm hợp đồng) Chi phí được trả trong trường hợp không xảy ra sự kiện bảo hiểm được bồi thường nào trong Năm hợp đồng liền trước đó	5.000.000	5.000.000
Tiêm chủng Vắc-xin (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 60% chi phí	4.000.000	5.000.000
Gói tầm soát ung thư (Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 60% chi phí	3.000.000	3.000.000

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	**80 triệu**	**100 triệu**
Phạm vi bảo hiểm	**Toàn cầu (*)**	**Toàn cầu (*)**
Quyền lợi thai sản: Chi phí khám thai; sinh thường hoặc sinh mổ do Sự cần thiết về mặt y tế; điều trị cho trẻ sơ sinh liên quan đến bệnh lý xuất hiện trong vòng 30 ngày sau khi sinh, với điều kiện người mẹ vẫn nằm viện	Trả toàn bộ	Trả toàn bộ
Chăm sóc trẻ sơ sinh: (Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh hoặc trong Năm hợp đồng đã hết hạn) Khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, dụng cụ, vitamin	20.000.000	25.000.000
Chăm sóc mẹ: (Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh con hoặc năm hợp đồng đã hết hạn, tối đa 2 lần khám/năm) Tái khám sau sinh	2.500.000 /lần khám	3.000.000 /lần khám
Hỗ trợ tài chính: (Tối đa 5 ngày/lần sinh) Công ty hỗ trợ tài chính trong khoảng thời gian Người được Bảo hiểm sinh con tại Cơ sở y tế	1.500.000 /ngày	2.000.000 /ngày
Quà tặng sinh nở: (Mỗi lần sinh) Áp dụng khi Người được bảo hiểm sinh con tại các Bệnh viện công lập ở Việt Nam, nhưng không thuộc khoa dịch vụ	6.000.000	7.000.000

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Chương trình bảo hiểm	CE1	CE2
Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng	**30 triệu**	**40 triệu**
Phạm vi bảo hiểm	**Toàn cầu (*)**	**Toàn cầu (*)**
Điều trị răng: Khám, chụp X quang răng bệnh lý, Điều trị viêm nướu, nha chu, Cắt chóp răng, lấy u vôi răng (lấy vôi răng sâu dưới nướu), Trám răng bệnh lý, Điều trị tủy răng, Nhổ răng bệnh lý (bao gồm cả phẫu thuật)	Đồng thanh toán 20:80 (Công ty chi trả 80%)	Đồng thanh toán 20:80 (Công ty chi trả 80%)
Vệ sinh răng (Tối đa 2 lần/Năm hợp đồng) Công ty chi trả 100%	4.000.000 /lần khám	5.000.000 /lần khám

(*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

QUYỀN LỢI TAI NẠN CÁ NHÂN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Số tiền bảo hiểm	Từ 20 triệu đến 10 tỷ đồng

Lưu ý: Trẻ em từ 0 - 18 tuổi chỉ được mua quyền lợi này với điều kiện mua cùng với bố và/hoặc mẹ. Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi Tai nạn cá nhân của trẻ em được giới hạn tối đa 20% số tiền bảo hiểm Quyền lợi Tai nạn cá nhân của bố và/hoặc mẹ. Nếu bố, mẹ có mệnh giá bảo hiểm khác nhau, bảo hiểm của trẻ sẽ dựa trên phụ huynh có số tiền bảo hiểm cao hơn.

BẢNG PHÍ

QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CE1	CE2
0 – 3	36.642.000	47.208.000
4 – 5	21.934.000	28.260.000
6 – 18	19.672.000	25.346.000
19 – 25	21.652.000	27.896.000
26 – 30	24.514.000	31.584.000
31 – 35	25.804.000	33.246.000
36 – 40	27.094.000	34.908.000
41 – 45	28.842.000	37.160.000
46 – 50	33.118.000	42.668.000
51 – 55	38.594.000	49.724.000
56 – 60	46.806.000	60.304.000
61 – 65	56.298.000	72.534.000

QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CE1	CE2
0 – 3	30.572.000	36.266.000
4 – 5	18.300.000	21.710.000
6 – 18	16.414.000	19.472.000
19 – 25	18.066.000	21.430.000
26 – 30	20.454.000	24.264.000
31 – 35	21.530.000	25.540.000
36 – 40	22.606.000	26.818.000
41 – 45	24.064.000	28.548.000
46 – 50	27.632.000	32.778.000
51 – 55	32.200.000	38.198.000
56 – 60	39.052.000	46.328.000
61 – 65	46.974.000	55.724.000

QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CE1	CE2
18 – 50	23.726.000	29.650.000

QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

Nhóm tuổi	CE1	CE2
0 – 3	8.822.000	11.405.000
4 – 5	13.232.000	17.106.000
6 – 18	8.822.000	11.405.000
19 – 25	8.822.000	11.405.000
26 – 30	8.822.000	11.405.000
31 – 35	8.822.000	11.405.000
36 – 40	8.822.000	11.405.000
41 – 45	13.232.000	17.106.000
46 – 50	13.232.000	17.106.000
51 – 55	13.232.000	17.106.000
56 – 60	13.232.000	17.106.000

QUYỀN LỢI TAI NẠN CÁ NHÂN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Phí bảo hiểm = Tỷ lệ phí bảo hiểm theo phân loại nghề nghiệp x Số tiền bảo hiểm

Phân loại nghề nghiệp	Tỷ lệ Phí bảo hiểm
Loại 1: Các nhiệm vụ chuyên môn, hành chính của cơ quan có tính chất tĩnh tại và các công việc có tính tính chất tĩnh tại khác	0,0900%
Loại 2: Các nghề nghiệp không phải lao động chân tay nhưng ở trong tình trạng dễ bị rủi ro tai nạn do môi trường làm việc hay công việc đó đòi hỏi phải đi lại nhiều, những nghề nghiệp có liên quan đến nhiệm vụ giám sát chính	0,1035%
Loại 3: Những nghề nghiệp dễ xảy ra tai nạn hoặc những công việc lao động chân tay nhẹ, những công việc lao động chân tay không nguy hiểm	0,1190%
Loại 4: Những nghề nghiệp nguy hiểm, các ngành công nghiệp nặng và không được quy định từ loại 1 đến loại 3	Không bảo hiểm

Lưu ý: Trẻ em dưới 18 tuổi được áp dụng tỉ lệ phí bảo hiểm năm theo Loại 1.

ĐỘ TUỔI THAM GIA

NỘI TRÚ, NGOẠI TRÚ, TAI NẠN CÁ NHÂN

THAI SẢN

NHA KHOA

0 (Từ 15 ngày tuổi) ››› **18** ››› **50** ››› **60** ››› **65** ››› **70**

Tái tục lên đến 70 tuổi cho Quyền lợi Nội trú, Ngoại trú và Tai nạn cá nhân.

CÁC CHIẾT KHẤU VÀ CÁC LỰA CHỌN KHÁC

(Chỉ áp dụng cho quyền lợi Nội trú và Ngoại trú)
Lưu ý: Tổng phí bảo hiểm áp dụng phải bằng tối thiểu 60% phí bảo hiểm sau khi thẩm định.

KHÔNG PHÁT SINH BỒI THƯỜNG

1 năm* trước đó	2 năm* liền trước đó	Từ 3 năm* liền trước đó
GIẢM **10%**	GIẢM **15%**	GIẢM **20%**

(*) Năm hợp đồng

PHẠM VI BẢO HIỂM

Châu Á	Đông Nam Á
ngoại trừ Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản	ngoại trừ Singapore
GIẢM **10%**	GIẢM **20%**

CHIẾT KHẤU NHÓM

Nhóm 3–4 người	Nhóm 5–10 người
GIẢM **5%**	GIẢM **10%**
Nhóm 11–20 người	**Nhóm trên 20 người**
GIẢM **15%**	GIẢM **20%**

LỰA CHỌN ĐỒNG THANH TOÁN

Người được Bảo hiểm từ 4 tuổi trở lên trả 20% chi phí GIẢM **25%**